

**CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÁNG 11 NĂM 2012**

(%)

NHÓM HÀNG	SỐ KỶ GỐC (NĂM 2009)			SỐ KỶ TRƯỚC			SỐ CÙNG THÁNG NĂM TRƯỚC			SỐ THÁNG 12 NĂM TRƯỚC		
	Thành thị	Nông thôn	Chung	Thành thị	Nông thôn	Chung	Thành thị	Nông thôn	Chung	Thành thị	Nông thôn	Chung
A. Chỉ số giá tiêu dùng	132.89	131.40	132.72	100.13	99.82	100.10	104.91	102.65	104.66	104.21	101.47	103.90
I. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	148.14	140.51	147.24	99.89	99.25	99.82	104.27	98.33	103.57	103.00	96.76	102.25
<i>Trong đó: 1- Lương thực</i>	146.17	152.68	147.10	99.99	100.13	100.01	100.52	100.44	100.51	99.06	98.54	98.98
<i>2- Thực phẩm</i>	144.41	127.72	142.01	99.62	98.66	99.50	103.53	95.61	102.44	101.85	94.06	100.77
<i>3- Ăn uống ngoài gia đình</i>	154.28	168.65	155.26	100.19	99.88	100.16	107.01	103.35	106.72	106.41	102.10	106.07
II. Đồ uống và thuốc lá	122.25	127.48	122.92	100.13	99.80	100.09	102.95	102.76	102.92	102.16	101.74	102.11
III. May mặc, mũ nón, giày dép	124.03	124.32	124.07	100.80	100.07	100.71	106.08	105.71	106.03	105.89	105.42	105.83
IV. Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	151.69	139.78	150.35	100.45	100.22	100.42	107.60	106.11	107.44	106.92	106.07	106.84
V. Thiết bị và đồ dùng gia đình	117.41	130.25	118.80	100.59	100.69	100.60	103.99	107.13	104.36	103.10	106.14	103.45
VI. Thuốc và dịch vụ y tế	106.99	92.47	105.00	100.10	100.33	100.13	102.36	100.45	102.12	102.36	100.11	102.08
VII. Giao thông	144.78	145.54	144.86	100.06	100.06	100.06	107.59	109.63	107.81	107.61	108.49	107.70
VIII. Bưu chính viễn thông	85.84	86.72	85.89	100.00	100.01	100.00	99.34	99.92	99.38	99.55	100.12	99.58
IX. Giáo dục	115.35	109.86	114.83	100.03	100.60	100.08	107.78	104.55	107.48	107.77	104.49	107.47
X. Văn hoá, giải trí và du lịch	124.64	124.77	124.65	100.58	100.20	100.54	103.78	108.13	104.13	103.66	104.84	103.76
XI. Hàng hoá và dịch vụ khác	138.57	155.03	140.39	99.83	100.43	99.90	106.23	111.84	106.88	105.99	108.49	106.28
B. Chỉ số giá vàng	242.44		242.44	98.37		98.37	103.49		103.49	103.41		103.42
C. Chỉ số giá đô la Mỹ	117.73		117.73	99.97		99.97	97.19		97.19	98.26		98.26